

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 17/2022/HS-ST

Ngày: 25-5-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Thanh Liêm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Kim Loan

2. Ông Nguyễn Hoàng Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HS ngày 10-5-2022 đối với:

*Bị cáo:*

**Đoàn Thị Thùy Tr**, sinh năm 1972 tại tỉnh B; nơi cư trú: Ấp 1, xã B, huyện A, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: trồng khóm; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Lâm T và bà Trần Kim Th; bị cáo có chồng tên Huỳnh Văn M và 03 con; tiền sự, tiền án: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

*Bị hại:* **Chị Trần Thị H**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp 2, xã C, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. **Chị Đào Thị Kim Y**, sinh năm 2003; nơi cư trú: Ấp 1, xã B, huyện A, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2. **Chị Nguyễn Khánh L**, sinh năm 1991: Ấp 3, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 01-10-2021, tại Cửa hàng điện thoại di động Khánh H thuộc Ấp 1, xã B, huyện A, tỉnh Tiền Giang, Đoàn Thị Thùy Tr nhìn thấy chiếc ví nữ màu đỏ của chị H để trên bàn ghi thông tin khách hàng kế bên chị H đang đứng giao dịch với nhân viên Đào Thị Kim Y. Nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền trong ví này, nên Tr dùng tay trái đè lên ví, dùng tay phải kéo sợi dây kéo của ví ra, dựng ví ở tư thế đứng và tiếp tục dùng tay trái lấy 09 tờ tiền polyme mệnh giá mỗi tờ 500.000 đồng trong ví ra, chuyển tiền sang tay phải, cất giấu vào dây áo ngực ở phía sau lưng đang mặc trên người và kéo dây kéo ví lại, để đúng vị trí ban đầu. Chị H phát hiện mất tiền, trình báo Công an xã B. Qua xác minh, tại Công an xã, Tr thừa nhận hành vi trộm cắp nêu trên. Công an xã B thu giữ và niêm phong toàn bộ vật chứng, chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A giải quyết.

Vật chứng thu giữ và xử lý: Số tiền 4.500.000 đồng, tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành, gồm 09 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng, có số sê ri lần lượt như sau: RW 17141068; PS 16471497; PN 15094201; SP 17534127; PL 18858032; QD 15778201; XB 15823721; UE 16042157; RU 14580164 (tất cả được niêm phong). Đây là tiền của chị H rút từ trụ ATM của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam đặt tại Khu Công nghiệp Long Giang vào lúc 15 giờ 43 phút ngày 01-10-2021, sau đó bị Tr chiếm đoạt như nêu trên; 01 (một) chiếc bóp (ví) da màu đỏ, hình chữ nhật, kích thước 12cm x 09cm, có 02 ngăn kéo, đã qua sử dụng. Qua điều tra, chị Trần Thị H xin nhận lại tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã xử lý các vật chứng này bằng hình thức trả lại cho chị H. Chị H đã nhận lại đủ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận:

Vào khoảng 16 giờ ngày 01-10-2021, tại Cửa hàng điện thoại di động Khánh H thuộc Ấp 1, xã B, huyện A, tỉnh Tiền Giang, Đoàn Thị Thùy Tr đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng của chị Trần Thị H.

Bị hại là chị H khai nhận có mất số tiền 4.500.000 đồng như đã nêu trên và chị đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A thu hồi từ bị cáo trả lại cho chị.

Người làm chứng là chị Đào Thị Kim Y khai nhận: Chị Huyền bị mất số tiền Việt Nam khoảng 4.500.000 đồng gồm 09 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng. Số tiền này chị H để trong chiếc bóp nữ nhỏ màu hồng.

Người làm chứng là chị Nguyễn Khánh L khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 01-10-2021, chị được Công an xã B yêu cầu hỗ trợ kiểm tra trên người bị cáo Tr xem có phát hiện vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản là tiền Việt Nam hay không. Chị kiểm tra và phát hiện ở dây áo ngực của bị cáo Tr gồm 09 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng là 4.500.000 đồng. Ngoài ra không phát hiện có gì khác.

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKSTP ngày 18-4-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 36, các điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 06 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý xong ở giai đoạn điều tra.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền bị mất, không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 16 giờ ngày 01-10-2021, tại Cửa hàng điện thoại di động Khánh H thuộc Ấp 1, xã B, huyện A, tỉnh Tiền Giang, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng của chị Trần Thị H.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Nhằm mục đích có tiền tiêu xài, phục vụ cho lợi ích cá nhân, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm

phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi xảy ra vụ án.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.
- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5]. Do đó, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời giáo dục, răn đe, đấu tranh, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, Hội đồng xét xử không cần cách ly bị cáo với xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, giao bị cáo cho chính quyền địa phương, gia đình giám sát, giáo dục bị cáo.

[6]. Do hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong theo đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về dân sự: Chị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Tuyên bố:* Bị cáo Đoàn Thị Thùy Tr phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 36, 50, các điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Thùy Tr 06 (*sáu*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Tiền Giang nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

- Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo .

- Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Tiền Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo.

- Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Tiền Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Cơ quan THAHS huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thanh Liêm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**